

Số: 76/2021/DS-ST

Ngày: 29/11/2021

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI - TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Tiến

2. Ông Nguyễn Công Trung

Thư ký phiên tòa: Bà Giả Huệ Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Dương Thy Trúc Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 và ngày 29 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 98/2021/TLST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/QĐST-DS ngày 27 tháng 9 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 54/QĐST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị D, sinh năm 1976; (có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* 1/ Bà Dương Thị C, sinh năm 1978; (vắng mặt);

2/ Ông Võ Văn T, sinh năm 1973; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 11/3/2021, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị D trình bày:

Bà là chủ hội, vợ chồng ông Võ Văn T và bà Dương Thị C có tham gia 01 dây hội do bà làm chủ mở ngày 10/12/2019 (âm lịch), kết thúc vào ngày 10/11/2021 (âm lịch). Gồm 25 phần, mỗi phần 5.000.000 đồng, hội tháng, mỗi tháng khai 01 lần, khai vào ngày mùng 10 (âm lịch) hàng tháng. Vợ chồng ông T, bà C đã hót hội, sau khi đã trừ đi đầu thảo bà đã giao tổng số tiền là 76.400.000 đồng vào ngày 16/02/2020 (âm lịch) do bà C nhận tiền và ký xác nhận vào giấy biên nhận tiền hót hội. Sau khi hót hội vợ chồng ông T và bà C đã góp hội chết cho bà đến tháng 4/2020 “sau” (do năm nhuận có 02 tháng 4, âm lịch). Dây hội này chưa kết thúc, vào ngày 10/11/2021 dây hội mới đến hạn mãn hội, nên tính đến tháng 01/2021 (âm lịch) vợ chồng ông T và bà C đã vi phạm nghĩa vụ góp hội trong dây hội này là 09 tháng hội chết x 5.000.000 đồng/tháng = 45.000.000 đồng, do bà đã bù hội thế cho ông T, bà C nên bà yêu cầu ông T, bà C trả lại số tiền trên cho bà.

Ngoài ra bà có nhiều lần cho vợ chồng ông T và bà C vay tiền. Cụ thể như sau:

- Ngày 09/01/2020 (âm lịch) bà có cho vợ chồng ông T và bà C vay số tiền 30.000.000 đồng với mục đích là để làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Khi vay tiền ông T và bà C cam kết đến ngày 09/02/2020 (âm lịch) sẽ hoàn trả cho bà đầy đủ số tiền vay nêu trên, đồng thời bà C có lập giấy biên nhận tiền vay. Hai bên thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng, ông T, bà C đóng lãi cho bà được 03 tháng với số tiền lãi là 2.700.000đ thì không đóng lãi nữa và cũng không trả vốn cho bà.

- Ngày 06/5/2020 (âm lịch) bà có cho vợ chồng ông T và bà C vay số tiền 100.000.000 đồng với mục đích là để làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Khi vay tiền ông T và bà C cam kết đến ngày 06/6/2020 (âm lịch) sẽ hoàn trả cho bà đầy đủ số tiền vay nêu trên, đồng thời bà C có lập giấy biên nhận tiền vay.

- Ngày 24/6/2020 (âm lịch) bà có cho vợ chồng ông T và bà C vay số tiền 50.000.000 đồng với mục đích là để làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Khi vay tiền ông T và bà C cam kết đến ngày 24/7/2020 (âm lịch) sẽ hoàn trả cho bà đầy đủ số tiền vay nêu trên, đồng thời bà C có lập giấy biên nhận tiền vay.

Đến nay đã quá hạn thanh toán cho bà số tiền nợ 03 lần vay nêu trên, mặc dù bà đã có rất nhiều lần yêu cầu ông T và bà C hoàn trả cho bà đầy đủ số tiền nợ 03 lần vay nêu trên nhưng ông T và bà C vẫn cố tình không trả.

Do đó, nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Ba Tri giải quyết:

1. Buộc ông Võ Văn T và bà Dương Thị C có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà số tiền nợ vạy ngày 09/01/2020 (âm lịch) là 30.000.000 đồng và tính lãi từ ngày 09/01/2020 (âm lịch) đến ngày xét xử, lãi suất tạm tính đến ngày 09/02/2021 là: $0,83\% \times 30.000.000 \text{ đồng} \times 13 \text{ tháng} = 3.237.000 \text{ đồng}$. Tổng: 30.000.000 đồng (vốn) + 3.237.000 đồng (lãi) = 33.237.000 đồng.

2. Buộc ông Võ Văn T và bà Dương Thị C có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà số tiền nợ vạy ngày 06/5/2020 (âm lịch) là 100.000.000 đồng và tính lãi từ ngày 06/5/2020 (âm lịch) đến ngày xét xử, lãi suất tạm tính đến ngày 06/02/2021 là: $0,83\% \times 100.000.000 \text{ đồng} \times 09 \text{ tháng} = 7.470.000 \text{ đồng}$. Tổng: 100.000.000 đồng (vốn) + 7.470.000 đồng (lãi) = 107.470.000 đồng.

3. Buộc ông Võ Văn T và bà Dương Thị C có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà số tiền nợ vạy ngày 24/6/2020 (âm lịch) là 50.000.000 đồng và tính lãi từ ngày 24/6/2020 (âm lịch) đến ngày xét xử, lãi suất tạm tính đến ngày 24/02/2021 là: $0,83\% \times 50.000.000 \text{ đồng} \times 08 \text{ tháng} = 3.320.000 \text{ đồng}$. Tổng: 50.000.000 đồng (vốn) + 3.320.000 đồng (lãi) = 53.320.000 đồng.

Tổng nợ vay 33.237.000 đồng + 107.470.000 đồng + 53.320.000 đồng = 194.027.000 đồng

4. Buộc ông Võ Văn T và bà Dương Thị C có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà số tiền nợ hui tạm tính đến tháng 1/2021 (âm lịch) là 45.000.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu đồng chẵn).

Tổng số tiền nợ hui và nợ vay ông Võ Văn T và bà Dương Thị C có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho tôi là: 45.000.000 đồng (nợ hui) + + 180.000.000 tiền vay và 14.027.000 đồng (tiền lãi), yêu cầu tính lãi đối với tiền vay từ ngày tiếp theo ngày trong đơn khởi kiện đến ngày tòa xét xử sơ thẩm.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/6/2021, trong quá trình tố tụng bị đơn bà Dương Thị C trình bày:

Bà đồng ý về các khoản tiền vay, thời gian vay và dây hui mà bà D đã trình bày. Bà thừa nhận hiện nay bà và ông T có nợ bà D các khoản vay và hui như sau:

1. Số tiền nợ vạy ngày 09/01/2020 (âm lịch) là 30.000.000 đồng và tính lãi từ ngày 09/01/2020 (âm lịch) đến ngày xét xử, lãi suất tạm tính đến ngày 09/02/2021 là: $0,83\% \times 30.000.000 \text{ đồng} \times 13 \text{ tháng} = 3.237.000 \text{ đồng}$. Tổng: 30.000.000 đồng (vốn) + 3.237.000 đồng (lãi) = 33.237.000 đồng.

2. Số tiền nợ vay ngày 06/5/2020 (âm lịch) là 100.000.000 đồng và tính lãi từ ngày 06/5/2020 (âm lịch) đến ngày xét xử, lãi suất tạm tính đến ngày

06/02/2021 là: $0,83\% \times 100.000.000 \text{ đồng} \times 09 \text{ tháng} = 7.470.000 \text{ đồng}$. Tổng: $100.000.000 \text{ đồng (vốn)} + 7.470.000 \text{ đồng (lãi)} = 107.470.000 \text{ đồng}$.

3. Số tiền nợ vay ngày 24/6/2020 (âm lịch) là 50.000.000 đồng và tính lãi từ ngày 24/6/2020 (âm lịch) đến ngày xét xử, lãi suất tạm tính đến ngày 24/02/2021 là: $0,83\% \times 50.000.000 \text{ đồng} \times 08 \text{ tháng} = 3.320.000 \text{ đồng}$. Tổng: $50.000.000 \text{ đồng (vốn)} + 3.320.000 \text{ đồng (lãi)} = 53.320.000 \text{ đồng}$.

Tổng nợ vay: $33.237.000 \text{ đồng} + 107.470.000 \text{ đồng} + 53.320.000 \text{ đồng} = 194.027.000 \text{ đồng}$.

4. Số tiền nợ hui tạm tính đến tháng 1/2021 (âm lịch) là 45.000.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu đồng chẵn).

Bà vay tiền vay tiền và chơi hui để làm chi phí sửa chữa ghe cào, mua dầu chạy ghe cào. Nhưng khi chạy được 20 ngày thì ghe bị bắt bà không có khả năng trả nợ cho bà D. Nếu có lợi nhuận từ ghe cào thì bà và ông T sẽ sử dụng tiền lời vào các ghe cào, xoay sở kinh tế sinh hoạt trong gia đình, trả nợ cho người khác.

Bà và ông T đồng ý trả cho bà D số tiền vay gốc tổng cộng là 180.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày vi phạm đến khi tòa xét xử xong vụ án với mức lãi suất mà bà D yêu cầu. Tiền hui bà đồng ý trả tổng số tiền 45.000.000 đồng tạm tính đến tháng 1/2021 (âm lịch). Nhưng xin trả dần, sau khi bà bán được tài sản bà sẽ trả trước 130.000.000 đồng tiền gốc, còn lại 50.000.000 đồng tiền gốc + tiền lãi, tiền hui bà xin trả dần.

Ông T biết việc bà tham gia chơi hui và vay tiền của bà D, bà D khởi kiện tại tòa ông T cũng biết nhưng do ông T bận công việc, đi làm nên không tham các buổi hòa giải tòa án mời. Nhưng ông T có ý kiến là đồng ý liên đới cùng với bà trả nợ cho bà D, ông T đồng ý bán tài sản sẽ trả nợ cho bà D.

- *Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện Kiểm sát:*

- *Về thủ tục tố tụng:* Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn bà Dương Thị C, ông Võ Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để xét xử nhưng vắng mặt không lý do nên chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự;

- *Về nội dung:* Đề nghị áp dụng các Điều 357, 463, 466, 468, 470, 471 Bộ luật dân sự: Buộc bà Dương Thị C, ông Võ Văn T có nghĩa vụ liên đới trả cho

bà Lê Thị D số tiền vay là 180.000.000đ và tiền lãi 0.83%/tháng từ ngày vi phạm nghĩa vụ đến ngày xét xử sơ thẩm và buộc bà Dương Thị C, ông Võ Văn T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị D trả số tiền nợ hui tính đến tháng 01/2021 là 9 tháng với số tiền là 45.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai tại phiên tòa, qua kết quả tranh tụng, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà Dương Thị C, ông Võ Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử nhưng bà C, ông T vắng mặt không có lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bà C, ông T.

[2] Bà Lê Thị D khởi kiện yêu cầu ông Võ Văn T và bà Dương Thị C trả số tiền đã vay là 180.000.000đ và tiền lãi là 14.027.000đ. Thấy rằng: Bà Lê Thị D khởi kiện và cung cấp các chứng cứ là giấy mượn nợ ngày 09/01/2020, giấy mượn nợ ngày 06/5/2020 và giấy mượn nợ ngày 24/6/2020 để chứng minh yêu cầu khởi kiện của bà. Đồng thời, tại biên bản lấy lời khai ngày 24/6/2021 và biên bản hòa giải ngày 24/6/2021 bị đơn bà Dương Thị C thừa nhận có nợ bà Lê Thị D các khoản tiền gồm: Số tiền nợ vay ngày 09/01/2020 (âm lịch) là 30.000.000 đồng; Số tiền nợ vay ngày 06/5/2020 (âm lịch) là 100.000.000 đồng; Số tiền nợ vay ngày 24/6/2020 (âm lịch) là 50.000.000 đồng, tổng nợ vay là 180.000.000đ. Đây là thừa nhận của phía bị đơn, là tình tiết mà nguyên đơn không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, bà D khởi kiện yêu cầu ông T, bà C có nghĩa vụ trả số tiền vay là 180.000.000đ là có cơ sở, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Đối với tiền lãi: Bà D yêu cầu tính lãi của các khoản vay từ ngày bà C, ông T vay đến khi xét xử sơ thẩm, tại biên bản hòa giải ngày 24/6/2021 và biên bản lấy lời khai ngày 24/6/2021 bà C đồng ý trả tiền lãi theo yêu cầu của bà D do đó yêu cầu tính lãi của bà D là có căn cứ, phù hợp quy định Điều 466 Bộ luật dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Số tiền lãi của khoản vay 30.000.000 đồng ngày 09/01/2020 (âm lịch) là ngày 02/02/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 29/11/2021 là 21 tháng 27 ngày với mức lãi suất 0,83% nhưng bà D thừa nhận đã nhận lãi của bà C, ông T là 2.700.000đ nên được khấu trừ vào số tiền lãi mà bà C ông T phải trả cho bà

D. Số tiền lãi phải đóng là: $30.000.000 \text{ đồng} \times 21 \text{ tháng} \times 0,83\% - 2.700.000\text{đ} = 2.753.100 \text{ đồng}$.

Số tiền lãi của khoản vay 100.000.000 đồng ngày 06/5/2020 (âm lịch) là ngày 26/6/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 29/11/2021 là 17 tháng 03 ngày với mức lãi suất 0,83%. Số tiền lãi phải đóng là: $100.000.000 \text{ đồng} \times 17 \text{ tháng} \times 0,83\% = 14.193.000 \text{ đồng}$.

Số tiền lãi của khoản vay 50.000.000 đồng ngày 24/6/2020 (âm lịch) là ngày 13/8/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 29/11/2021 là 15 tháng 16 ngày với mức lãi suất 0,83% . Số tiền lãi phải đóng là: $50.000.000 \text{ đồng} \times 15 \text{ tháng} \times 0,83\% = 6.446.300 \text{ đồng}$

Tổng cộng lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là: $2.753.100\text{đ} + 14.193.000\text{đ} + 6.446.300\text{đ} = 23.392.400\text{đ}$

[4] Cũng tại biên bản hòa giải ngày 24/6/2021 và biên bản lấy lời khai ngày 24/6/2021 bà C thừa nhận tính đến tháng 01 năm 2021 âm lịch còn nợ bà D 09 tháng tiền hui (chết) chưa đóng và đồng ý trả số tiền hui còn nợ cho bà D. Do đó bà D yêu cầu ông T, bà C trả cho bà D tiền nợ hui đến tháng 01/2021 (âm lịch) là 09 tháng với số tiền 45.000.000đ là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, tổng cộng số tiền bà C, ông T có nghĩa vụ trả cho bà D là 248.392.400đ (Hai trăm bốn mươi tám triệu ba trăm chín mươi hai nghìn bốn trăm đồng), trong đó, vốn gốc là 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng) tiền lãi là 23.392.400đ (Hai mươi ba triệu ba trăm chín mươi hai nghìn bốn trăm đồng) và tiền hui đến tháng 01/2021 (âm lịch) là 09 tháng 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng).

[5] Bà C thừa nhận bà vay tiền, chơi hui của bà D là để làm ghe cào, ông T là chồng bà có liên quan đến số tiền vay, tiền hui của bà D, việc bà C vay tiền, chơi hui của bà D là để làm ăn phát kinh tế gia đình. Hiện nay, bà C và ông T là vợ chồng có đăng ký kết hôn và cùng làm ăn chăm lo kinh tế gia đình. Do đó, bà D yêu cầu bà C và chồng là ông Võ Văn T có nghĩa vụ liên đới trả nợ là đúng theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Xét quan điểm đề nghị về nội dung giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri là cùng quan điểm nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của bà D được chấp nhận với số tiền 248.392.400đ nên bà Dương Thị C và ông Võ Văn T phải liên

đới nộp án phí là: $248.392.400đ \times 5\% = 12.418.600$ đồng; theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227, 228, 244, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, 466, 468, 471 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị D.

1.1 Buộc bà Dương Thị C ông võ Văn T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị D số tiền vay là 180.000.000đ (một trăm tám mươi triệu đồng), tiền lãi là 23.392.400đ (Hai mươi ba triệu ba trăm chín mươi nghìn bốn trăm đồng).

1.2 Buộc bà Dương Thị C ông võ Văn T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị D số tiền nợ hui tính đến tháng 1 năm 2021 (âm lịch) là 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” quy định tại Điều 126 của Bộ luật Tố tụng dân sự đã được Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre áp dụng tại Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2021/QĐ-BPKCTT ngày 29 tháng 4 năm 2021.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Bà Dương Thị C, ông Võ Văn T có nghĩa vụ liên đới nộp án phí là 12.418.600 đồng (Mười hai triệu bốn trăm mười tám nghìn sáu trăm đồng).

Hoàn trả cho bà Lê Thị D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.125.000đ (Sáu triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007263 ngày 11

tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Duy Linh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Công Trung

Nguyễn Văn Tiến

Nguyễn Duy Linh

